

**NGÂN HÀNG TMCP
KIÊN LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32 /NHKL

Rạch Giá, ngày 20 tháng 01 năm 2020

V/v giải trình biến động lợi nhuận
sau thuế riêng Kienlongbank
quý 4 năm 2019 và cả năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngân hàng TMCP Kiên Long, mã chứng khoán KLB, xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế riêng Kienlongbank quý 4 năm 2019 và cả năm 2019 như sau:

I. Biến động lợi nhuận sau thuế riêng Kienlongbank quý 4 năm 2019 và cả năm 2019:

1. Biến động lợi nhuận sau thuế riêng Kienlongbank quý 4 năm 2019:

1.1. Lợi nhuận sau thuế riêng Kienlongbank quý 4 năm 2019 giảm trên 10% so với cùng kỳ năm 2018:

Lợi nhuận sau thuế riêng Kienlongbank quý 4 năm 2019 giảm 92.647 triệu đồng, tương đương giảm 366,28% so với cùng kỳ năm 2018 chủ yếu là do các nguyên nhân chính sau đây:

- Tổng thu nhập giảm 79.138 triệu đồng, tương đương giảm 27,14% chủ yếu do thu nhập lãi thuần giảm 135.533 triệu đồng (giảm 54,82%); lãi thuần từ hoạt động khác giảm 11.724 triệu đồng (giảm 64,86%).

- Tổng chi phí tăng 46.866 triệu đồng, tương đương tăng 17,77%. Trong đó: Chi phí hoạt động tăng 26.795 triệu đồng (tăng 10,67%) do chi phí của 17 đơn vị thành lập mới; chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 20.071 triệu đồng (tăng 157,57%) do trong tháng 12 Kienlongbank tăng trích lập dự phòng để tất toán trước hạn toàn bộ trái phiếu VAMC.

Đơn vị: Triệu đồng, %

| STT | Chỉ tiêu | Quý 4/2018 | Quý 4/2019 | Tăng/giảm (+/-) quý 4/2019 so với cùng kỳ | |
|------------|--|------------------|------------------|---|-------------------|
| | | | | Số dư | Tỷ lệ (%) |
| I | Tổng thu nhập | 291.646 | 212.508 | (79.138) | (27,13) |
| 1 | Thu nhập lãi thuần | 247.226 | 111.693 | (135.533) | (54,82) |
| 2 | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ | 1.953 | 10.511 | 8.558 | 438,20 |
| 3 | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | (235) | 7.627 | 7.862 | (3.344,61) |
| 4 | Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | - | - | - | - |
| 5 | Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 9.090 | 19.929 | 10.839 | 119,23 |
| 6 | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác | 18.077 | 6.353 | (11.724) | (64,86) |
| 7 | Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 15.534 | 56.395 | 40.861 | - |
| II | Tổng chi phí | (263.763) | (310.629) | (46.866) | 17,77 |
| 1 | Chi phí hoạt động | (251.025) | (277.820) | (26.795) | 10,67 |
| 2 | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | (12.738) | (32.809) | (20.071) | 157,57 |
| III | Tổng lợi nhuận trước thuế | 27.882 | (98.121) | (126.004) | (451,92) |
| IV | Chi phí thuế TNDN | (2.588) | 30.768 | 33.356 | (1.288,87) |
| V | Lợi nhuận sau thuế | 25.294 | (67.353) | (92.647) | (366,28) |

1.2. Lợi nhuận sau thuế riêng Kienlongbank chuyển từ lãi ở quý 3 năm 2019 sang lỗ ở quý 4 năm 2019:

Lợi nhuận sau thuế riêng Kienlongbank chuyển từ lãi 66.230 triệu đồng ở quý 3 năm 2019 sang lỗ 67.353 triệu đồng ở quý 4 năm 2019 là do tổng thu nhập giảm 145.052 triệu đồng (giảm 40,57%), chủ yếu do thu nhập lãi thuần giảm 190.310 triệu đồng.

Đơn vị: Triệu đồng, %

| STT | Chỉ tiêu | Quý 3/2019 | Quý 4/2019 | Tăng/giảm (+/-) quý 4/2019 so với quý 3/2019 | |
|------------|--|------------------|------------------|--|-----------------|
| | | | | Số dư | Tỷ lệ (%) |
| I | Tổng thu nhập | 357.560 | 212.508 | (145.052) | (40,57) |
| 1 | Thu nhập lãi thuần | 302.003 | 111.693 | (190.310) | (63,02) |
| 2 | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ | 9.883 | 10.511 | 628 | 6,36 |
| 3 | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 4.611 | 7.627 | 3.016 | 65,40 |
| 4 | Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | - | - | - | - |
| 5 | Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 35.187 | 19.929 | (15.258) | (43,36) |
| 6 | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác | 5.876 | 6.353 | 477 | 8,12 |
| 7 | Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | - | 56.395 | 56.395 | |
| II | Tổng chi phí | (273.600) | (310.629) | (37.029) | 13,53 |
| 1 | Chi phí hoạt động | (255.601) | (277.820) | (22.219) | 8,69 |
| 2 | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | (17.999) | (32.809) | (14.810) | 82,29 |
| III | Tổng lợi nhuận trước thuế | 83.960 | (98.121) | (182.082) | (216,87) |
| IV | Chi phí thuế TNDN | (17.731) | 30.768 | 48.499 | (273,53) |
| V | Lợi nhuận sau thuế | 66.229 | (67.353) | (133.582) | (201,70) |

2. Lợi nhuận sau thuế riêng Kienlongbank năm 2019 giảm trên 10% so với năm 2018:

Lợi nhuận sau thuế riêng Kienlongbank năm 2019 giảm 78.944 triệu đồng, tương đương giảm 41,33% so với năm 2018 do:

- Tổng thu nhập tăng 45.057 triệu đồng, tương đương tăng 3,91%. Trong đó chủ yếu do:

+ Thu nhập lãi thuần tăng 23.341 triệu đồng, tương đương tăng 2,41%.

+ Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư giảm 53.131 triệu đồng, tương đương giảm 46,17% là do trong năm 2018 Kienlongbank phát sinh thu nhập từ việc bán chứng khoán đầu tư.

- Tổng chi phí tăng 152.957 triệu đồng, tương đương tăng 16,68%. Trong đó chủ yếu do:

+ Chi phí hoạt động tăng 115.314 triệu đồng, tương đương tăng 13,12% là do chi phí của 17 đơn vị thành lập mới.

+ Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tăng 37.643 triệu đồng, tương đương tăng 100% do trong tháng 12 Kienlongbank tăng trích lập dự phòng để tất toán trước hạn toàn bộ trái phiếu VAMC.

Đơn vị: Triệu đồng, %

| STT | Chi tiêu | Lũy kế đến tháng 12/2018 | Lũy kế đến tháng 12/2019 | Tăng/giảm (+/-) tháng 12/2019 so với cùng kỳ | |
|------------|--|--------------------------|--------------------------|--|----------------|
| | | | | Số dư | Tỷ lệ (%) |
| I | Tổng thu nhập | 1.152.009 | 1.197.066 | 45.057 | 3,91 |
| 1 | Thu nhập lãi thuần | 968.709 | 992.051 | 23.341 | 2,41 |
| 2 | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ | 8.714 | 31.169 | 22.455 | 257,69 |
| 3 | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | 11.626 | 28.631 | 17.005 | 146,28 |
| 4 | Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | - | - | - | - |
| 5 | Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 115.069 | 61.938 | (53.131) | (46,17) |
| 6 | Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác | 31.632 | 26.047 | (5.585) | (17,66) |
| 7 | Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần | 16.258 | 57.230 | 40.972 | 252,01 |
| II | Tổng chi phí | (916.774) | (1.069.731) | (152.957) | 16,68 |
| 1 | Chi phí hoạt động | (879.130) | (994.444) | (115.314) | 13,12 |
| 2 | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | (37.644) | (75.287) | (37.643) | 100,00 |
| III | Tổng lợi nhuận trước thuế | 235.234 | 127.335 | (107.900) | (45,87) |
| IV | Chi phí thuế TNDN | (44.207) | (15.251) | 28.956 | (65,50) |
| V | Lợi nhuận sau thuế | 191.028 | 112.084 | (78.944) | (41,33) |

II. Nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế riêng Kienlongbank quý 4 năm 2019 và cả năm 2019:

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Kienlongbank năm 2019 giảm 78.944 triệu đồng với năm 2018 nguyên nhân chủ yếu từ giảm thu nhập lãi thuần trong tháng 12 năm 2019 do Kienlongbank hạch toán giảm các khoản lãi phải thu đã ghi nhận trong các năm trước đối với các khoản cho vay của một nhóm khách hàng có tài sản bảo đảm là cổ phiếu của một ngân hàng khác theo Phương án xử lý nợ được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt. Ảnh hưởng này chỉ mang tính chất tạm thời, sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm, căn cứ nguồn tiền thu được, Kienlongbank sẽ ghi nhận lại vào thu nhập trên Báo cáo tài chính trong thời gian tới.

Hiện tại, Kienlongbank đã nhận được đầy đủ hợp đồng ủy quyền có công chứng từ các khách hàng vay và chủ sở hữu tài sản về việc đồng ý cho Kienlongbank thực hiện chào bán tài sản bảo đảm là cổ phiếu của một ngân hàng khác để thu hồi nợ.

Kienlongbank sẽ tiến hành chào bán cổ phiếu nêu trên trong tháng 1 năm 2020 và dự kiến hoàn tất trong năm 2020. Theo đánh giá của Kienlongbank, sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, lợi nhuận trước thuế năm 2020 dự kiến đạt khoảng 750 tỷ đồng (Bảy trăm năm mươi tỷ đồng).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Ban TGD (để chỉ đạo);
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Tuấn Anh



Trần Tuấn Anh

1912
MAY 12

